TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **180**/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 03/4/1971; số định danh cá nhân: 046171003954; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Trương Minh T, sinh ngày 15/12/1969; số định danh cá nhân: 042069011243; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thành phố H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Minh N với ông Trương Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Vợ chồng có 03 người con chung là Trương Thị Bảo Đ, sinh năm 1995, Trương Minh T1, sinh năm 1997 và Trương Thị Bảo N1, sinh năm 1999.

Vợ chồng không yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn do các anh, chị Trương Thị Bảo Đ, Trương Minh T1 và Trương Thị Bảo N1 đều đã thành niên, không thuộc trường hợp mất đủ năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, phù hợp quy định tại

khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án không giải quyết việc giao người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

2.2. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh N tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mười nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000902 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; hoàn trả lại cho bà N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mười nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- UBND phường Phong T, thành phố Huế;
(ĐKKH số 125 ngày 31/12/1994)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn HNGĐ.

THẨM PHÁN

Trần Văn Trường